

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 11-5-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Huệ.

2. Ông Phan Ngọc Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2017/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn S, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Đặng Văn S trình bày:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị P chung sống như vợ chồng từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông, bà chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Ông, bà đã chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Quá trình chung sống ông, bà có hai con chung là chị Đặng Thị Thu Ph, sinh ngày 08/3/1990 và anh Đặng Hoàng D, sinh ngày 08/4/1998. Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà P, các con đã trưởng thành nên tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà xác định lời trình bày của ông S về quan hệ hôn nhân, về con chung là đúng. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S, các con đã lớn nên tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà đã được Tòa án thông báo về việc làm đơn yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung, nợ chung nhưng ông S nói sẽ tự thỏa thuận với bà nên bà không làm đơn. Trường hợp, ông, bà không tự thỏa thuận được thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Đặng Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị P nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà P với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh K nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

Ông S và bà P chung sống như vợ chồng từ năm 1988 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông S và bà P không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Ông, bà có hai người con chung là chị Đặng Thị Thu Ph, sinh ngày 08/3/1990 và anh Đặng Hoàng D, sinh ngày 08/4/1998. Các con chung của ông, bà đã trưởng thành và sống tự lập nên tự quyền quyết định sống với cha hoặc mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S và bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Văn S và bà Nguyễn Thị P là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông, bà có hai người con chung là chị Đặng Thị Thu Ph, sinh ngày 08/3/1990 và anh Đặng Hoàng D, sinh ngày 08/4/1998. Chị Ph, anh D đã trưởng thành và sống tự lập nên tự quyền quyết định sống với cha hoặc mẹ.

3. Về án phí: Ông Đặng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008305 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Ông S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS ND huyện;
- THA Huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú